

CÔNG TY CỔ PHẦN
GẠCH NGÓI GỐM XD MỸ XUÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc.



ISO 9001:2015

BÁO CÁO QUYẾT TOÁN TÀI CHÍNH QUÝ 4 NĂM 2019

ĐƠN VỊ BÁO CÁO : CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI GỐM XD MỸ XUÂN
ĐƠN VỊ NHẬN BC : ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC

THÁNG 01 NĂM 2020

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

CHỈ TIÊU	Mã Số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1	2	3	4	5
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110+120+130+140+150)	100		51.128.459.430	65.120.602.313
I. Tiền	110		16.181.385.405	10.939.985.652
1. Tiền	111	V.01	16.181.385.405	10.939.985.652
2. Các khoản tương đương tiền	112			
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Đầu tư ngắn hạn	121			
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn(*)	122			
2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123			
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		4.062.311.574	14.184.472.708
1. Phải thu khách hàng	131	V.02	2.020.784.804	3.441.439.088
2. Trả trước cho người bán	132	V.03	84.330.060	1.001.755.700
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133			
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134			
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135			
6. Các khoản phải thu ngắn hạn khác	136	V.04	1.957.196.710	9.741.277.920
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137			
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139			
IV. Hàng tồn kho	140		30.574.683.711	39.077.457.200
1. Hàng tồn kho	141	V.05	30.574.683.711	39.077.457.200
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		310.078.740	918.686.753
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.6a	298.105.240	906.713.253
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152			
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	V.13	11.973.500	11.973.500
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154			
5. Tài sản ngắn hạn khác	155			

CHỈ TIÊU	Mã Số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1	2	3	4	4
B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200 =210+220+240+250+260)	200		80.719.834.944	67.567.134.364
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		10.633.932.823	379.008.762
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211			
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212			
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213			
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214			
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215			
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.04	10.633.932.823	379.008.762
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219			
II. Tài sản cố định	220		54.309.454.664	54.923.136.642
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.07	40.994.732.142	40.070.540.920
- Nguyên giá	222		114.011.606.744	105.586.027.893
- Giá trị hao mòn lũy kế(*)	223		(73.016.874.602)	(65.515.486.973)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225			
- Giá trị hao mòn lũy kế(*)	226			
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.08	13.314.722.522	14.852.595.722
- Nguyên giá	228		26.169.164.502	26.169.164.502
- Giá trị hao mòn lũy kế(*)	229		(12.854.441.980)	(11.316.568.780)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
- Nguyên giá	231			
- Giá trị hao mòn lũy kế(*)	232			
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		10.876.618.705	6.921.419.888
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241			
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.09	10.876.618.705	6.921.419.888
V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	V.10	2.000.000.000	2.000.000.000
1. Đầu tư vào công ty con	251			
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252			
- Vốn Góp Liên Doanh				
- Đầu tư vào Công Ty Liên Kết				
3. Đầu tư khác vào công cụ vốn	253			
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)	254			
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		2.000.000.000	2.000.000.000
VI. Tài sản dài hạn khác	260		2.899.828.752	3.343.569.072
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.6b	2.899.828.752	3.343.569.072
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262			
3. Tài sản dài hạn khác	268			
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)	270		131.848.294.374	132.687.736.677

CHỈ TIÊU	Mã Số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1	2	3	4	4
A - NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 320)	300		45.248.995.274	50.732.623.818
I. Nợ ngắn hạn	310		45.248.995.274	50.732.623.818
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.11	14.910.010.169	13.269.110.334
2. Người mua trả tiền trước	312	V.12	62.705.000	324.620.818
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.13	3.809.413.869	2.452.811.924
4. Phải trả người lao động	314		10.233.459.575	9.726.118.466
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315			
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316			
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317			
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318			
9. Các khoản phải trả ngắn hạn khác	319	V.14	306.458.761	1.550.494.227
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.15	7.701.561.385	16.875.021.229
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321			
12. Quỹ khen thưởng - Phúc Lợi	322	V.16	8.225.386.515	6.534.446.820
13. Quỹ bình ổn giá	323			
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu chính phủ	324			
II. Nợ dài hạn	330		-	-
1. Phải trả người bán dài hạn	331			
2. Chi phí phải trả dài hạn	332			
3. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	333			
4. Phải trả nội bộ dài hạn	334			
5. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	335			
6. Phải trả dài hạn khác	336			
7. Vay và nợ thuê tài chính	337			
8. Trái phiếu chuyển đổi	338			
9. Thuế Thu Nhập hoãn lại phải trả	339			
10. Dự phòng phải trả dài hạn	340			
11. Quỹ phát triển Khoa Học và Công nghệ	341			
12. Dự Phòng phải trả dài hạn	342			
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343			
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		86.599.299.100	81.955.112.859
I. Nguồn vốn chủ sở hữu	410	V.17	86.599.299.100	81.955.112.859
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		53.206.940.000	53.206.940.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		80.284.000	80.284.000
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413			
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		730.400.000	730.400.000
5. Cổ phiếu quỹ (*)	415		(62.460.000)	(62.460.000)
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416			
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417			
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		12.916.116.918	12.424.478.284
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419			
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420			
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		19.728.018.182	15.575.470.575
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		9.555.910.332	8.104.647.684
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		10.172.107.850	7.470.822.891

CHỈ TIÊU	Mã Số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1	2	3	4	4
12. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422			
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431			
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432			
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		131.848.294.374	132.687.736.677

Vũng Tàu, Ngày 16 Tháng 01 Năm 2020



Tổng Giám Đốc

Nguyễn Văn Sơn

Kế toán trưởng

Trần Thị Cảnh

Người Lập Biểu

Lưu Thị Mai

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ
 QUÝ IV NĂM 2019**

Đơn vị tính: đồng

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý IV		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
				Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.01	72.201.751.259	62.071.869.811	271.099.445.527	240.509.450.723
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-	11.623.418	-
3	DT thuần về bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ(10=01-02)	10		72.201.751.259	62.071.869.811	271.087.822.109	240.509.450.723
4	Giá vốn hàng bán	11	VI.02	49.491.503.319	44.416.555.496	190.088.567.260	168.495.764.779
5	Lợi nhuận gộp về bán hàng hóa và dịch vụ (20=10-11)	20		22.710.247.940	17.655.314.315	80.999.254.849	72.013.685.944
6	Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.03	163.775.819	2.868.145	169.573.783	27.368.306
7	Chi phí tài chính	22	VI.04	123.145.318	143.626.629	1.081.481.454	424.144.431
	- Trong đó : Chi phí lãi vay	23		123.145.318	143.626.629	1.081.481.454	424.144.431
8	Chi phí bán hàng	24	VI.05	9.025.883.880	7.454.908.722	32.774.178.631	30.680.558.176
9	Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.06	4.389.032.134	4.146.121.671	14.761.699.885	14.858.998.199
10	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh [30=20+(21-22)-(24+25)]	30		9.335.962.427	5.913.525.438	32.551.468.662	26.077.353.444
11	Thu nhập khác	31		172	1.160.038.056	157.033.754	1.201.552.005
12	Chi phí khác	32		193.925.643	1.271.354.669	559.393.665	1.351.833.884
13	Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40		(193.925.471)	(111.316.613)	(402.359.911)	(150.281.879)
14	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50	VI.07	9.142.036.956	5.802.208.825	32.149.108.751	25.927.071.565
15	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.08	2.143.654.190	1.132.704.893	7.567.177.036	4.926.798.041
16	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52					
17	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51 -52)	60		6.998.382.766	4.669.503.932	24.581.931.715	21.000.273.524
18	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.09	926	588	3.483	2.976

Vũng Tàu, Ngày 16 Tháng 01 Năm 2020



Tổng Giám đốc

Nguyễn Văn Sơn

Kế Toán Trưởng

Trần Thị Cảnh

Người Lập Biểu

Lưu Thị Mai

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
QUÝ IV NĂM 2019

Đơn vị tính: đồng

STT	CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	Gạch ngói	Ngói xi măng	Dịch vụ Xây lắp	Hoạt động khác	Cộng
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	55.383.854.967	16.375.228.927	442.667.365		72.201.751.259
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	02					-
3	DT thuần về bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ(1)	10	55.383.854.967	16.375.228.927	442.667.365	-	72.201.751.259
4	Giá vốn hàng bán	11	34.977.715.130	14.248.050.174	265.738.015		49.491.503.319
5	Lợi nhuận gộp về bán hàng hóa và dịch vụ (20=	20	20.406.139.837	2.127.178.753	176.929.350	-	22.710.247.940
6	Doanh thu hoạt động tài chính	21	13.275.819			150.500.000	163.775.819
7	Chi phí tài chính	22	117.296.998	5.848.320			123.145.318
	- Trong đó : Chi phí lãi vay	23	117.296.998	5.848.320			123.145.318
8	Chi phí bán hàng	24	8.406.996.620	618.887.260		-	9.025.883.880
9	Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	4.389.032.134				4.389.032.134
10	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh [30=20+(21-2	30	7.506.089.904	1.502.443.173	176.929.350	150.500.000	9.185.462.427
11	Thu nhập khác	31	172				172
12	Chi phí khác	32	193.925.643				193.925.643
13	Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40	(193.925.471)	-			(193.925.471)
14	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50	7.312.164.433	1.502.443.173	176.929.350	150.500.000	8.991.536.956
15	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	1.777.679.684	300.488.636	35.385.870	30.100.000	2.143.654.190
16	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52					-
17	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=5	60	5.534.484.749	1.201.954.537	141.543.480	120.400.000	6.877.982.766
18	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70					926

Vũng Tàu, Ngày 16 Tháng 01 Năm 2020



Tổng Giám Đốc

Nguyễn Văn Sơn

Kế Toán Trưởng

Trần Thị Cảnh

Người lập Biểu

Lưu Thị Mai

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
 (Theo phương pháp trực tiếp)
 Quý 4 Năm 2019

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý	
			Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		287.692.200.120	252.662.405.896
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(110.375.007.943)	(109.800.667.153)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(20.541.573.532)	(48.137.814.212)
4. Tiền chi trả lãi vay	04		(1.009.236.443)	(356.723.018)
5. Tiền chi nộp Thuế thu nhập doanh nghiệp	05		(7.058.053.094)	(5.107.828.759)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		2.381.972.532	8.447.776.499
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(39.779.021.271)	(34.348.735.590)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		111.311.280.369	63.358.413.663
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(14.541.515.582)	(15.728.085.178)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22			
3. Tiền chi cho vay mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23			
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24			
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(2.800.000.000)	(2.500.000.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		2.800.000.000	66.879
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		150.500.000	148.121
Lưu chuyển thuần từ hoạt động đầu tư	30		(14.391.015.582)	(18.227.870.178)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31			20.000.000
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32			
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33			9.301.529.484
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(78.983.701.434)	(48.214.856.210)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35			
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(12.695.163.600)	(12.745.444.850)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(91.678.865.034)	(51.638.771.576)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50		5.241.399.753	(6.508.228.091)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		10.939.985.652	17.448.213.743
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61			
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70	V.1	16.181.385.405	10.939.985.652

Vũng Tàu, Ngày 16 Tháng 01 Năm 2020



Tổng Giám Đốc

Nguyễn Văn Sơn

Kế Toán Trưởng

Trần Thị Cảnh

Người Lập Biểu

Lưu Thị Mai

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI GÓM XÂY DỰNG MỸ XUÂN

Khu Phố Suối Nhum, Phường Hắc Dịch, Thị xã Phú Mỹ, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

MẪU B09a-DN

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Gạch Ngói Gốm Xây dựng Mỹ Xuân (tên giao dịch: My Xuan Brick Tile Pottery and Construction Joint Stock Company) được thành lập trên cơ sở cổ phần hoá xí nghiệp Gạch Ngói Gốm Xây dựng thuộc Công ty Phát triển Khoáng sản 6 theo Quyết định số 168/2003/QĐ-BCN ngày 17 tháng 10 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4903000078 ngày 18 tháng 12 năm 2003 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp bổ sung các Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi như sau:

- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đăng ký thay đổi lần thứ nhất ngày 22 tháng 04 năm 2005, chuẩn y các việc sau: bổ sung ngành nghề kinh doanh nguyên vật liệu ngành sản xuất vật liệu xây dựng; vận tải hàng hóa bằng xe tải liên tỉnh; mua bán vật liệu xây dựng, trang trí nội thất; cho thuê máy móc, thiết bị sản xuất vật liệu xây dựng và tăng vốn điều lệ từ 2.100.000.000 VND lên 3.100.000.000 VND.
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đăng ký thay đổi lần thứ hai ngày 27 tháng 06 năm 2006, chuẩn y việc tăng vốn điều lệ từ 3.100.000.000 VND lên 5.300.000.000 VND.
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đăng ký thay đổi lần thứ ba ngày 16 tháng 04 năm 2007, chuẩn y các việc sau: bổ sung ngành nghề kinh doanh mua bán máy móc thiết bị ngành xây dựng, vật liệu xây dựng, máy móc chuyên dùng và tăng vốn điều lệ từ 5.300.000.000 VND lên 25.612.400.000 VND.
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đăng ký thay đổi lần thứ tư ngày 23 tháng 05 năm 2008, chuẩn y các việc sau: thay đổi mệnh giá cổ phiếu từ 100.000/cổ phiếu xuống 10.000/cổ phiếu và thay đổi người sở hữu cổ đông sáng lập của Công ty, từ ông Nguyễn Đức Tuấn sang bà Dư Thị Thanh Hương.
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đăng ký thay đổi lần thứ năm số 3500640966 ngày 24 tháng 12 năm 2008, chuẩn y việc tăng vốn điều lệ từ 25.612.400.000 VND lên 40.942.700.000 VND.
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đăng ký thay đổi lần thứ sáu ngày 14 tháng 05 năm 2010, chuẩn y việc tăng vốn điều lệ từ 40.942.700.000 VND lên 53.206.940.000 VND.
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đăng ký thay đổi lần thứ bảy ngày 06 tháng 08 năm 2012, chuẩn y việc đổi tên Công ty từ Công ty Cổ phần Gạch Ngói Xây dựng Mỹ Xuân thành Công ty Cổ phần Gạch Ngói Gốm Xây dựng Mỹ Xuân.
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ tám ngày 17 tháng 08 năm 2018, Chuẩn y việc thay đổi địa chỉ Công ty từ Ấp Suối Nhum, Xã Hắc Dịch, Huyện Tân Thành, Tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu thành Khu Phố Suối Nhum, Phường Hắc Dịch, Thị Xã Phú Mỹ, Tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu.

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI GÓM XÂY DỰNG MỸ XUÂN

Khu Phố Suối Nhum, Phường Hắc Dịch, Thị xã Phú Mỹ, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ chín ngày 17 tháng 05 năm 2019, chuẩn y việc thay đổi người đại diện theo pháp luật của công ty từ Ông Lưu Ngọc Thanh sang Ông Nguyễn Văn Sơn - Tổng Giám Đốc công ty.

Công ty đã được Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam cấp Giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán số 44/2011/GCNCP-VSD ngày 27 tháng 06 năm 2011 với số lượng 5.320.694 cổ phiếu niêm yết tương ứng 53.206.940.000 VND. Cổ phiếu của Công ty đã chính thức được phép niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội ngày 15 tháng 09 năm 2011 với mã chứng khoán là GMX.

- **Vốn điều lệ** : 53.206.940.000 VND

Cơ cấu vốn điều lệ như sau:

Stt	Tên cổ đông	Địa chỉ	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VND)	Tỷ lệ (%)
1	Ông Lưu Ngọc Thanh	12B/7 Hoàng Hoa Thám, Phường 2, Tp. Vũng Tàu	200.000	2.000.000.000	3,76
2	Ông Dư Quốc Trung	127/20 Xô Viết Nghệ Tĩnh, Phường Thắng Tam, Tp. Vũng Tàu	129.800	1.298.000.000	2,44
3	Ông Ngô Thành Cương	H65 C/C Hoàng Tháp, Đường 9A, Xã Bình Hưng, H. Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh	52.608	526.080.000	0,99
4	Ông Nguyễn Văn Sơn	69 Lê Lợi, Phường 9, Tp. Vũng Tàu	131.722	1.317.220.000	2,48
5	Ông Nguyễn Thế Đô	48/16/7 Nguyễn Trường Tộ, Phường 3, Tp. Vũng Tàu	121.200	1.212.000.000	2,28
6	Các cổ đông khác		4.685.364	46.853.640.000	88,06
	Cộng		5.320.694	53.206.940.000	100,00

Số cổ phiếu : 5.320.694 cổ phiếu

Mệnh giá : 10.000 VND/ cổ phiếu

- **Trụ sở hoạt động**

Địa chỉ : Khu Phố Suối Nhum, Phường Hắc Dịch, Thị Xã Phú Mỹ, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

Điện thoại : (0254) 3 876 770 – 3 893 150

Fax : (0254) 3 894 168

Mã số thuế : **3 5 0 0 6 4 0 9 6 6**

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất và dịch vụ.

3. Ngành, nghề kinh doanh

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI GÓM XÂY DỰNG MỸ XUÂN

Khu Phố Suối Nhum, Phường Hắc Dịch, Thị xã Phú Mỹ, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Khai thác đất sét;

Sản xuất, kinh doanh các sản phẩm gốm và vật liệu xây dựng, kinh doanh nguyên vật liệu ngành sản xuất vật liệu xây dựng, mua bán vật liệu xây dựng, hàng trang trí nội thất, mua bán gạch ngói gốm;

Xây dựng công trình dân dụng, công trình công nghiệp, nhà cho thuê;

Xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật mở;

Vận tải hàng hóa bằng xe tải liên tỉnh;

Cho thuê máy móc, thiết bị sản xuất vật liệu xây dựng;

Mua bán máy móc thiết bị ngành xây dựng, vật liệu xây dựng, máy móc chuyên dùng.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

5. Cấu trúc Công ty

Tại cuối kỳ kế toán, cấu trúc Công ty bao gồm 1 văn phòng đại diện. Chi tiết như sau:

Văn phòng đại diện

<u>Tên đơn vị</u>	<u>Địa chỉ</u>	<u>Hoạt động kinh doanh chính</u>
Văn phòng đại diện Công ty Cổ phần Gạch Ngói Gốm Xây dựng Mỹ Xuân	Số 503 Nguyễn An Ninh, Phường 9, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu	Văn phòng giao dịch, không kinh doanh

6. Nhân viên

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 là 385 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2018: 396 người).

II. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc tại ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 thuộc kỳ kế toán năm thứ 16 của Công ty.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính, Thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 200/2014/TT-BTC, các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI GÓM XÂY DỰNG MỸ XUÂN

Khu Phố Suối Nhum, Phường Hắc Dịch, Thị xã Phú Mỹ, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ:

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính giữa niên độ

Báo cáo tài chính giữa niên độ được trình bày phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Các Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

2. Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính giữa niên độ cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp cho mục đích thuyết minh trong Báo cáo tài chính giữa niên độ bao gồm các nhóm: tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty gồm tiền và các khoản tương đương tiền, phải thu của khách hàng, phải thu khác và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính được phân loại một cách phù hợp cho mục đích thuyết minh trong Báo cáo tài chính giữa niên độ bao gồm các nhóm: nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI GÓM XÂY DỰNG MỸ XUÂN

Khu Phố Suối Nhum, Phường Hắc Dịch, Thị xã Phú Mỹ, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

trị phân bổ. Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm phải trả người bán, phải trả khác và vay và nợ thuê tài chính.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên Bảng cân đối kế toán nếu và chỉ nếu, Công ty có quyền hợp pháp thi hành việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán phải trả đồng thời.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau khi ghi nhận ban đầu.

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, tiền đang chuyển. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền tại thời điểm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.

5. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Công ty thể hiện các khoản đầu tư vào công ty liên kết và các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu hoạt động tài chính. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chi được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty liên kết được trích lập khi công ty liên kết bị lỗ, ngoại trừ khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Công ty khi quyết định đầu tư. Mức trích lập dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty liên kết bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của Công ty tại công ty liên kết và vốn chủ sở hữu thực tại ngày lập Báo cáo tài chính giữa niên độ của

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI GÓM XÂY DỰNG MỸ XUÂN

Khu Phố Suối Nhum, Phường Hắc Dịch, Thị xã Phú Mỹ, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

công ty liên kết. Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty liên kết cần phải trích lập tại ngày lập Báo cáo tài chính giữa niên độ được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ.

Khi thanh lý, nhượng bán, thu hồi vốn đầu tư vào công ty liên kết, căn cứ vào giá trị tài sản thu hồi được kế toán ghi giảm số vốn đã góp. Phần chênh lệch giữa giá trị hợp lý của khoản thu hồi được so với giá trị ghi sổ của khoản đầu tư được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo nguyên tắc giá gốc, bao gồm giá mua cộng với các chi phí liên quan trực tiếp đến hoạt động đầu tư.

Cổ tức và lợi nhuận từ đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính trong kỳ. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập khi khoản đầu tư bị tổn thất tại ngày lập Báo cáo tài chính giữa niên độ. Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập chi tiết như sau:

- Đối với khoản đầu tư chứng khoán niêm yết, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của các loại chứng khoán mà Công ty đang nắm giữ;
- Đối với khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị chưa niêm yết, việc lập phòng dựa trên giá trị hợp lý của các khoản đầu tư được xác định dựa trên các kỹ thuật định giá một cách đáng tin cậy;
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại ngày lập Báo cáo tài chính giữa niên độ, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của Công ty tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực tại ngày lập Báo cáo tài chính giữa niên độ của đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày lập Báo cáo tài chính giữa niên độ được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ.

Lãi/ lỗ khi thanh lý, nhượng bán đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

6. Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên Báo cáo tài chính giữa niên độ theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu của khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty bao gồm các khoản phải thu về tiền bán hàng và phải thu dịch vụ cung cấp.

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI GÓM XÂY DỰNG MỸ XUÂN

Khu Phố Suối Nhum, Phường Hắc Dịch, Thị xã Phú Mỹ, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán, bao gồm các khoản phải thu tạo ra doanh thu tài chính, như: phải thu lãi tiền gửi; các khoản phải thu không mang tính thương mại tạm ứng nhân viên, các ký quỹ, ký cược và các khoản phải thu khác.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ 6 tháng trở lên hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra tại ngày lập Báo cáo tài chính giữa niên độ đối với các khoản nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi, như khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản, hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn và các trường hợp khó khăn tương tự. Tăng, giảm số dư dự phòng phải thu khó đòi được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

7. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày lập Báo cáo tài chính giữa niên độ. Tăng, giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

8. Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, phù hợp với hướng dẫn theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 của Bộ Tài chính, Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13 tháng 10 năm 2016 của Bộ Tài chính về “Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013” và Thông tư số 28/2017/TT-BTC ngày 12 tháng 4 năm 2017 của Bộ Tài chính về “Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 và Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13 tháng 10 năm 2016 của Bộ Tài chính Hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định”, cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà xưởng, vật kiến trúc	05 – 25
Máy móc thiết bị	03 – 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 – 10

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI GÓM XÂY DỰNG MỸ XUÂN

Khu Phố Suối Nhum, Phường Hắc Dịch, Thị xã Phú Mỹ, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Số năm

Thiết bị văn phòng

03 – 05

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do bán hay thanh lý tài sản được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

9. Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình của Công ty thể hiện quyền sử dụng đất và chi phí thăm dò mỏ sét.

Quyền sử dụng đất

Giá trị quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế đã chi ra có liên quan trực tiếp đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ,... Quyền sử dụng đất được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian sử dụng của lô đất là từ 5 đến 38 năm.

Chi phí thăm dò mỏ sét

Chi phí cho hoạt động thăm dò mỏ sét, chi phí đền bù mở rộng mỏ sét được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 10 năm.

10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang thể hiện chi phí mua sắm tài sản cố định, chi phí liên quan trực tiếp đến việc thực hiện các dự án đầu tư, chi phí xây dựng cơ bản các công trình, tài sản và chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định chưa hoàn thành tại ngày lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Chi phí mua sắm tài sản cố định

Chi phí mua sắm tài sản cố định phản ánh giá mua và các chi phí có liên quan trực tiếp đến việc lắp đặt, chạy thử,... tài sản trước khi đưa vào sử dụng.

Chi phí xây dựng cơ bản các công trình, tài sản

Chi phí xây dựng cơ bản các công trình, tài sản bao gồm toàn bộ chi phí cần thiết để xây dựng mới, hoặc cải tạo, nâng cấp, mở rộng... liên quan đến các công trình, tài sản phục vụ cho mục đích sản xuất, kinh doanh của Công ty còn dở dang tại ngày lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định

Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định là toàn bộ chi phí phát sinh thực tế liên quan đến việc sửa chữa, cải tạo,.. tài sản cố định. Khi công việc sửa chữa lớn tài sản cố định hoàn thành, chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định được kết chuyển vào “Chi phí trả trước dài hạn” để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

11. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước thể hiện khoản trả trước tiền thuê văn phòng, chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định, lệ phí quyền khai thác khoáng sản và các chi phí khác.

Các chi phí trả trước được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian không quá 12 tháng hoặc một chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI GÓM XÂY DỰNG MỸ XUÂN

Khu Phố Suối Nhum, Phường Hắc Dịch, Thị xã Phú Mỹ, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

thường kể từ thời điểm trả trước được phản ánh vào “chi phí trả trước ngắn hạn”; ngược lại, các chi phí trả trước có thời hạn trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường kể từ thời điểm trả trước được phản ánh vào “chi phí trả trước dài hạn”.

Các chi phí trả trước dài hạn được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian mà các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này như sau:

- Lệ phí quyền khai thác khoáng sản là chi phí mà Công ty chi ra để có được quyền khai thác khoáng sản. Lệ phí quyền khai thác khoáng sản được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian được khai thác còn lại.
- Các chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện nhỏ đã xuất dùng, chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản chi phí trả trước dài hạn và được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ theo phương pháp đường thẳng theo thời gian sử dụng ước tính từ 2 đến 3 năm.

12. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả dùng để phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ, bao gồm các khoản phải trả liên quan đến chi phí tài chính, như: cổ tức và lợi nhuận phải trả; các khoản phải trả không mang tính chất thương mại như phải trả về các khoản BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ,...

13. Vốn chủ sở hữu và phân phối lợi nhuận thuần

Cơ cấu vốn chủ sở hữu

Vốn chủ sở hữu của Công ty bao gồm:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.
- Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/ hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.
- Vốn khác của chủ sở hữu được ghi theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản mà doanh nghiệp được các tổ chức, cá nhân khác tặng, biếu sau khi trừ (-) các khoản thuế phải nộp

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI GÓM XÂY DỰNG MỸ XUÂN

Khu Phố Suối Nhum, Phường Hắc Dịch, Thị xã Phú Mỹ, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

(nếu có) liên quan đến các tài sản được tặng, biếu này; và khoản bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh.

- Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và sau đó mua lại. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế và trình bày trên Bảng cân đối kế toán là một khoản ghi giảm vốn chủ sở hữu.
- Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp và được sử dụng vào việc đầu tư mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của Công ty sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Phân phối lợi nhuận thuần

- Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của Pháp luật Việt Nam.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ

- Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.
- Công ty trích lập các quỹ từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.
 - Quỹ đầu tư phát triển: Quỹ này được trích lập nhằm mở rộng hoạt động kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.
 - Quỹ khen thưởng, phúc lợi: Quỹ này được trích lập nhằm khen thưởng và khuyến khích, đãi ngộ vật chất, đem lại phúc lợi chung và nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho công nhân viên và các hoạt động xã hội.

14. Doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI GỒM XÂY DỰNG MỸ XUÂN

Khu Phố Suối Nhum, Phường Hắc Dịch, Thị xã Phú Mỹ, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trong trường hợp giao dịch về các dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày lập Báo cáo tài chính giữa niên độ. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty đã được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, mà không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

15. Chi phí

Chi phí là những khoản giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Chi phí được ghi nhận theo thực tế phát sinh trên nguyên tắc phù hợp với doanh thu trong kỳ. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để bảo đảm phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

16. Chi phí đi vay

Tất cả các chi phí lãi vay được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

17. Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI GÓM XÂY DỰNG MỸ XUÂN

Khu Phố Suối Nhum, Phường Hắc Dịch, Thị xã Phú Mỹ, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

18. Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty sau khi trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng cách điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) và số bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu.

19. Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan của Công ty nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của cá nhân được coi là liên quan.

20. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận kinh doanh bao gồm bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và bộ phận theo khu vực địa lý.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI GÓM XÂY DỰNG MỸ XUÂN

Khu Phố Suối Nhum, Phường Hắc Dịch, Thị xã Phú Mỹ, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Đơn vị tính: VND

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>31/12/19</u>	<u>01/01/19</u>
Tiền mặt	2.915.926.000	4.478.622.000
Tiền gửi ngân hàng	13.265.459.405	6.461.363.652
Ngân hàng TMCP Đầu tư & Phát triển Việt Nam	7.763.449.068	5.613.679.152
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	5.500.147.557	845.715.592
Ngân hàng TMCP Đầu tư & Phát triển Việt Nam (Chứng khoán)	1.862.780	1.968.908
Các khoản tương đương tiền	-	-
Cộng	<u>16.181.385.405</u>	<u>10.939.985.652</u>

2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	<u>31/12/19</u>	<u>01/01/19</u>
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	2.020.784.804	3.441.439.088
Khu vực Bà Rịa - Long Điền - Đất Đỏ	-	-
Khu vực TX. Phú Mỹ - Châu Đức	383.056.075	38.740.127
Khu vực Tp. Hồ Chí Minh	1.039.541.851	619.082.004
Khu vực Đồng bằng sông Cửu Long	90.981.874	419.674.147
Khu vực miền Trung - Tây Nguyên	327.771.404	32.060.610
Khu vực Đà Lạt	-	-
Văn Phòng Đại Diện Vũng Tàu	-	-
Khu vực TP Vũng Tàu - PKD	-	10.232.500
Công ty TNHH Phú Mỹ Xuân	60.000.000	208.697.400
Công ty TNHH Đầu tư và Thương mại Đại Hữu	119.433.600	987.902.300
Công Ty Cổ Phần Đầu Tư Tân Quang Cường - Bình Thuận	-	1.125.050.000
Cộng	<u>2.020.784.804</u>	<u>3.441.439.088</u>

Phải thu của khách hàng là các bên liên quan

Công ty TNHH Phú Mỹ Xuân	<u>60.000.000</u>	<u>208.697.400</u>
Cộng	<u>60.000.000</u>	<u>208.697.400</u>

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI GÓM XÂY DỰNG MỸ XUÂN

Khu Phố Suối Nhum, Phường Hắc Dịch, Thị xã Phú Mỹ, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

3. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	31/12/19	01/01/19
Trả trước cho người bán ngắn hạn	79.600.000	998.360.000
Công ty CP Tin học Vân Thanh	40.000.000	40.000.000
Công ty Cổ Phần Cơ Khí Tiến Mạnh	-	439.120.000
Cơ Sở Lý Hùng	-	56.000.000
Công ty TNHH MTV Phương Trang Ngọc	-	300.000.000
CTy TNHH Đầu Tư - XD & TM Nhật Tân	39.600.000	39.600.000
Công ty TNHH Thương Mại Ngân Long		101.640.000
Công Ty TNHH Thẩm Định Giá Đất Việt	-	22.000.000
Khách Hàng khác	4.730.060	3.395.700
Cộng	84.330.060	1.001.755.700

4. Phải thu khác

	31/12/19		01/01/19	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu ngắn hạn khác	1.957.196.710	-	9.741.277.920	-
x Tạm ứng nhân viên	55.000.000	-	94.406.698	-
Lãi tiền gửi tiết kiệm dự thu	-	-	-	-
Công ty TNHH Xây lắp Dịch vụ Tân Thịnh (*)	-	-	7.734.769.000	-
x Bà Đoàn Thị Dung	1.897.513.000	-	1.897.513.000	-
Phải thu khác	4.683.710	-	14.589.222	-
Phải thu dài hạn khác	10.633.932.823	-	379.008.762	-
x Ký quỹ phục hồi môi trường khai thác mỏ	398.598.107	-	379.008.762	-
Công ty TNHH Xây lắp Dịch vụ Tân Thịnh	10.235.334.716	-	-	-
Cộng	12.591.129.533	-	10.120.286.682	-

(*) Khoản phải thu ngắn hạn của Công ty TNHH Xây lắp Dịch vụ Tân Thịnh do còn đang trong quá trình hoàn thiện thủ tục pháp lý để chuyển nhượng Dự Án. Tại ngày 31/12/2019 chưa hoàn thành nên chuyển sang Phải thu dài hạn theo quy định.

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI GÓM XÂY DỰNG MỸ XUÂN

Khu Phố Suối Nhum, Phường Hắc Dịch, Thị xã Phú Mỹ, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**5. Hàng tồn kho**

	31/12/19		01/01/19	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	17.566.692.299	-	23.750.228.815	-
Công cụ, dụng cụ	208.027.353	-	346.747.664	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	3.160.090.871	-	3.170.139.519	-
Thành phẩm	8.668.802.193	-	10.475.382.806	-
Hàng hóa	971.070.995	-	1.334.958.396	-
Cộng	30.574.683.711	-	39.077.457.200	-

6. Chi phí trả trước

Chỉ tiêu	31/12/19	01/01/19
a/ Chi phí trả trước ngắn hạn	298.105.240	906.713.253
Chi phí công cụ dụng cụ	261.554.140	834.089.253
Sửa chữa nhỏ	36.551.100	72.624.000
Thuê Văn Phòng Vũng Tàu	-	-
b/ Chi phí trả trước dài hạn	2.899.828.752	3.343.569.072
Chi phí công cụ dụng cụ	662.997.074	1.000.581.250
Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ	1.623.161.998	1.662.680.902
Lệ phí quyền khai thác khoáng sản	598.670.080	680.306.920
Phần Mềm Quản Lý	14.999.600	-
Tổng cộng	3.197.933.992	4.250.282.325

7. Tài sản cố định hữu hình

Tình hình tăng giảm tài sản cố định hữu hình và hao mòn trong kỳ như sau:

Chỉ tiêu	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng Cộng
I. Nguyên giá					
1. Số đầu năm	44.638.275.757	55.670.585.784	4.590.300.352	686.866.000	105.586.027.893
2. Số tăng trong quý	1.527.653.607	7.144.577.872	-	61.251.000	8.733.482.479
- Mua sắm mới		903.636.364		61.251.000	964.887.364

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI GÓM XÂY DỰNG MỸ XUÂN

Khu Phố Suối Nhum, Phường Hắc Dịch, Thị xã Phú Mỹ, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

- XDCB hoàn thành	1.527.653.607	6.240.941.508			7.768.595.115
3. Giảm trong quý	157.903.628	150.000.000	-	-	307.903.628
- Thanh lý	157.903.628	150.000.000			307.903.628
4. Số cuối quý	46.008.025.736	62.665.163.656	4.590.300.352	748.117.000	114.011.606.744
II. Hao mòn lũy kế					
1. Số đầu năm	25.519.009.666	36.827.668.060	2.807.135.467	361.673.780	65.515.486.973
2. Tăng trong quý	2.381.444.993	4.735.452.541	422.614.200	131.614.080	7.671.125.814
- Khấu hao trong quý	2.381.444.993	4.735.452.541	422.614.200	131.614.080	7.671.125.814
3. Giảm trong quý	19.738.185	150.000.000	-	-	169.738.185
- Thanh lý	19.738.185	150.000.000			169.738.185
- Nhượng bán					-
- Giảm khác (*)					-
4. Số cuối năm	27.880.716.474	41.413.120.601	3.229.749.667	493.287.860	73.016.874.602
III. Giá trị còn lại					
1. Số đầu năm	19.119.266.091	18.842.917.724	1.783.164.885	325.192.220	40.070.540.920
2. Số cuối năm	18.127.309.262	21.252.043.055	1.360.550.685	254.829.140	40.994.732.142

Trong đó:

Nguyên giá tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:

Đến 01/01/19	10.622.039.208	23.729.677.296	1.516.409.897	41.296.000	35.909.422.401
Đến 31/12/2019	14.386.120.189	29.437.985.336	1.516.409.897	41.296.000	45.381.811.422

8. Tài sản cố định vô hình

Chỉ tiêu	Quyền sử dụng đất	Tài sản vô hình khác	Tổng cộng
I. Nguyên giá			
1. Số đầu năm	25.507.139.502	662.025.000	26.169.164.502
2. Tăng trong kỳ			-
3. Giảm trong kỳ	-	-	-
4. Số cuối năm	25.507.139.502	662.025.000	26.169.164.502
II. Hao mòn lũy kế			
1. Số đầu năm	10.675.793.780	640.775.000	11.316.568.780
2. Tăng trong kỳ	1.530.373.200	7.500.000	1.537.873.200

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI GÓM XÂY DỰNG MỸ XUÂN

Khu Phố Suối Nhum, Phường Hắc Dịch, Thị xã Phú Mỹ, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

3. Giảm trong kỳ	-	-	-
4. Số cuối năm	12.206.166.980	648.275.000	12.854.441.980
III. Giá trị còn lại			
1. Số đầu năm	14.831.345.722	21.250.000	14.852.595.722
2. Số cuối kỳ	13.300.972.522	13.750.000	13.314.722.522
Trong đó:			
Nguyên giá tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:			
Đến 01/01/19	1.833.570.904	632.025.000	2.465.595.904
Đến 31/12/19	1.833.570.904	632.025.000	2.465.595.904

9. Tài sản dở dang dài hạn

	<u>31/12/19</u>	<u>01/01/19</u>
I Mua sắm TSCĐ	6.631.984.496	3.504.495.000
Đất mở rộng kho chứa nguyên liệu tại Nhà		
1 máy	2.356.470.000	2.356.470.000
2 Máy xà luân Bogioanni		403.000.000
3 Máy nhào 2 trục		202.025.000
4 Máy đập ngói 22		503.000.000
5 Máy nén khí lắp máy đục bê tông		40.000.000
6 Máy Đùn	680.000.000	
8 Máy đùn ép chân không 400	637.930.070	
9 Máy nghiền xà luân	850.573.426	
10 Máy nhào 2 trục	202.025.000	
11 Máy cán 600	956.895.105	
12 Máy Đùn 600	643.090.895	
13 Máy cắt CNC Plassma + oxy gas	305.000.000	
II XDCB dở dang	4.177.954.700	3.389.547.368
1 Mỏ rộng mỏ sét Mỹ Xuân	1.211.992.445	1.211.992.445

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI GÓM XÂY DỰNG MỸ XUÂN

Khu Phố Suối Nhum, Phường Hắc Dịch, Thị xã Phú Mỹ, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

2	Kho ngói màu	281.747.800	281.747.800
3	Máy cán mịn CR1208	473.990.654	473.990.654
4	Máy nghiền xa mốt		132.727.734
5	Trạm cân		58.170.974
6	Máy cán thô CR1208	449.106.828	449.106.828
7	Máy cán thô CR1208	388.322.078	388.322.078
8	Máy xa luân Bogioanni		269.671.000
9	Máy đập ngói 22		656.121
10	Xe phà kích thủy lực lò 2		41.442.745
11	Xe goòng sấy gạch mini lò 2		7.362.963
12	Quạt N10 lắp lò sấy ngói mini lò 3		43.856.026
13	Dự Án Châu Đức	30.500.000	30.500.000
14	Máy Đùn	165.466.902	
17	Đường vào mỏ sét suối dao	140.909.091	
18	Chi phí thâm định quyền sử dụng đất của 4 hộ	40.000.000	
19	Chi phí bồi thường cho hộ Bùi Tiến Sỹ	211.085.650	
20	Chi phí bồi thường cho hộ Bùi Tiến Dũng	332.714.252	
21	Chi phí bồi thường cho hộ Nguyễn Văn Cường	132.119.000	
22	Máy Đùn 600	320.000.000	
III	Sửa chữa lớn TSCĐ	66.679.509	27.377.520
1	Băng tải ngói 10		27.377.520
2	Xích cấp liệu DC3	33.582.565	
3	Sửa chữa lò 3	33.096.944	
III	Tổng Cộng	10.876.618.705	6.921.419.888

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI GÓM XÂY DỰNG MỸ XUÂN

Khu Phố Suối Nhum, Phường Hắc Dịch, Thị xã Phú Mỹ, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**10. Các khoản đầu tư tài chính**

	31/12/19			01/01/19		
	Giá gốc	Dự phò ng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phò ng	Giá trị hợp lý
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn						
Đầu tư trái Phiếu VCB theo Hợp đồng Số 02 /2018/TPVCB/VCB -VT	2.000.000.000	-	2.000.000.000	2.000.000.000	-	2.000.000.000
Cộng	2.000.000.000	-	2.000.000.000	2.000.000.000	-	2.000.000.000

11. Phải trả người bán ngắn hạn

	31/12/19		01/01/19	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Phải trả người bán ngắn hạn	14.910.010.169	14.910.010.169	13.269.110.334	13.269.110.334
Phí đền bù giải tỏa, mở rộng mỏ sét Mỹ Xuân 1	47.421.860	47.421.860	47.421.860	47.421.860
Phí đền bù đất, hoa màu mỏ sét Đợt 2	32.955.220	32.955.220	32.955.220	32.955.220
Công ty TNHH Phú Mỹ Xuân	8.187.217.665	8.187.217.665	7.158.713.270	7.158.713.270
- <i>Cung cấp hàng hóa</i>	6.826.419.665	6.826.419.665	5.858.662.270	5.858.662.270
- <i>Cung cấp dịch vụ thuê máy móc thiết bị</i>	185.633.000	185.633.000	240.122.000	240.122.000
- <i>Cung cấp dịch vụ vận chuyên</i>	1.175.165.000	1.175.165.000	1.059.929.000	1.059.929.000
Công Ty Cổ Phần Cơ Khí XD Và Vật Liệu Hà Nội		-	845.400.000	845.400.000
Công ty TNHH BEHNMEYER Việt Nam	170.211.888	170.211.888	366.593.304	366.593.304
Công ty TNHH Đầu tư TM DV Lưu Kiến Lộc	33.495.000	33.495.000	368.012.254	368.012.254

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI GÓM XÂY DỰNG MỸ XUÂN

Khu Phố Suối Nhum, Phường Hắc Dịch, Thị xã Phú Mỹ, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Công Ty TNHH Cơ Khí Đúc Thành Đồng	92.411.000	92.411.000	86.933.000	86.933.000
Công Ty TNHH Bao Bì Giấy Tân Long	124.895.760	124.895.760	164.178.014	164.178.014
Công ty TNHH Thủy Triều Phát	-	-	229.524.380	229.524.380
Công ty TNHH Trí Đạt	665.274.750	665.274.750	2.126.412.000	2.126.412.000
Công Ty Cổ Phần Đầu Tư Tân Quang Cường - Bình Thận	1.958.849.190	1.958.849.190	-	-
Công Ty TNHH Một Thành Viên Hùng Vũ	1.801.020.650	1.801.020.650	-	-
Các nhà cung cấp khác	1.796.257.186	1.796.257.186	1.842.967.032	1.842.967.032
Cộng	14.910.010.169	14.910.010.169	13.269.110.334	13.269.110.334

	<u>31/12/19</u>	<u>01/01/19</u>
<i>Phải trả người bán là các bên liên quan</i>		
Công ty TNHH Phú Mỹ Xuân	8.187.217.665	7.158.713.270
Cộng	8.187.217.665	7.158.713.270

12. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Khu vực Bà Rịa - Long Điền - Đất Đỏ	-	-
Khu vực TX. Phú Mỹ - Châu Đức	-	5.362.500
Khu vực Tp. Hồ Chí Minh	-	23.639.762
Khu vực Đồng Bằng Sông Cửu Long	-	56.242.002
Khu vực miền Trung - Tây Nguyên	62.705.000	-
Khu vực Đà Lạt	-	98.695.060
Khu Vực Vũng Tàu	-	140.681.494
Tổng cộng	62.705.000	324.620.818

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI GÓM XÂY DỰNG MỸ XUÂN

Khu Phố Suối Nhum, Phường Hắc Dịch, Thị xã Phú Mỹ, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

STT	Chỉ tiêu	Phải nộp đầu năm	Phải nộp trong năm	Đã nộp trong năm	Còn phải nộp cuối năm
I.	Thuế	2.440.838.424	23.654.211.543	22.297.609.598	3.797.440.369
1.	Thuế GTGT hàng bán nội địa	410.124.382	11.892.282.451	11.274.144.186	1.028.262.647
2.	Thuế GTGT hàng nhập khẩu				-
3.	Thuế xuất nhập khẩu	(11.973.500)			(11.973.500)
4.	Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.132.704.893	7.567.177.036	6.820.664.226	1.879.217.703
5.	Thuế tài nguyên (**)	-	2.888.657.291	2.888.657.291	-
6.	Tiền thuê đất	494.384.880	15.918.849	15.918.849	494.384.880
7.	Các loại thuế TNCN	415.597.769	1.290.175.916	1.298.225.046	407.548.639
8.	Thuế Môn Bài		3.000.000	3.000.000	
II.	Các khoản phải nộp khác	-	934.673.651	934.673.651	-
1.	Tiền cấp quyền khai thác khoáng sản	-	136.083.000	136.083.000	-
1.	Các khoản phí, lệ phí	-	325.159.080	325.159.080	-
2.	Các khoản khác		473.431.571	473.431.571	-
	Tổng cộng	2.440.838.424	24.588.885.194	23.232.283.249	3.797.440.369

Trình bày số dư trên Bảng cân đối kế toán:

Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	(11.973.500)	(11.973.500)
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	<u>2.452.811.924</u>	<u>3.809.413.869</u>

• Thuế giá trị gia tăng

Công ty áp dụng thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ.

Thuế suất áp dụng: 10%

• Thuế xuất, nhập khẩu

Công ty kê khai và nộp theo Thông báo của Hải quan.

• Thuế thu nhập doanh nghiệp

Xem Thuyết minh số VI.8.

• Các loại thuế khác

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI GÓM XÂY DỰNG MỸ XUÂN

Khu Phố Suối Nhum, Phường Hắc Dịch, Thị xã Phú Mỹ, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Công ty kê khai và nộp các loại thuế khác hàng năm theo quy định hiện hành.

14. Phải trả ngắn hạn khác

	<u>31/12/19</u>	<u>01/01/19</u>
Kinh phí công đoàn	88.655.940	254.092.700
Bảo hiểm xã hội	3.769.494	546.293.640
Bảo hiểm y tế	-	97.214.220
Bảo hiểm thất nghiệp	-	42.846.560
Phải trả Cổ tức, Lợi nhuận được chia	188.321.850	214.017.725
Phải trả khác	<u>25.711.477</u>	<u>396.029.382</u>
Tổng cộng	<u>306.458.761</u>	<u>1.550.494.227</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI GÓM XÂY DỰNG MỸ XUÂN

Khu Phố Suối Nhum, Phường Hắc Dịch, Thị xã Phú Mỹ, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**15. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn**

	01/01/2019		Trong kỳ		31/12/2019	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a/ Vay ngắn hạn	16.875.021.229	16.875.021.229	69.810.241.595	78.983.701.439	7.701.561.385	7.701.561.385
- Vay Chi nhánh ngân hàng ĐT-PT Phú Mỹ	7.261.274.230	7.261.274.230	41.383.021.823	44.796.100.587	3.848.195.466	3.848.195.466
- Vay ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam	9.613.746.999	9.613.746.999	28.427.219.772	34.187.600.852	3.853.365.919	3.853.365.919
b/ Vay dài hạn	-	-	-	-	-	-
Tổng cộng	16.875.021.229	16.875.021.229	69.810.241.595	78.983.701.439	7.701.561.385	7.701.561.385

(i) Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Phú Mỹ

Hợp đồng tín dụng hạn mức:	Số 01/2019/1509034/HĐTD ngày 23 tháng 10 năm 2019
Hạn mức tín dụng:	18.000.000.000 VND (bao gồm dư nợ từ Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2017/1509034/HĐTD ngày 23 tháng 8 năm 2017)
Thời hạn cấp hạn mức:	12 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên
Thời hạn cho vay:	Theo từng Hợp đồng tín dụng cụ thể
Lãi suất:	Theo từng Hợp đồng tín dụng cụ thể
Mục đích:	Bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI GÓM XÂY DỰNG MỸ XUÂN

Khu Phố Suối Nhum, Phường Hắc Dịch, Thị xã Phú Mỹ, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Biện pháp đảm bảo: Thẻ chấp Quyền khai thác sét theo Quyết định số 2457/QĐ ngày 21 tháng 7 năm 2008, Giấy phép số 21/GP-UBND ngày 28 tháng 3 năm 2007 theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 01/2013/1509034/HĐ ngày 20 tháng 5 năm 2013, "Văn bản sửa đổi, bổ sung Hợp đồng thế chấp tài sản số 01/2013/1509034/HĐ ngày 20 tháng 5 năm 2013" số 01/2017/1509034/SĐBS ngày 10 tháng 8 năm 2017 và các biện pháp bảo đảm bổ sung, thay thế.

Giá trị hàng tồn kho, quyền đòi nợ từ các hợp đồng, quyền khai thác tài nguyên thiên nhiên, vốn góp vào các công ty khác... của Bên vay đương nhiên là tài sản đảm bảo cho hạn mức tín dụng tại Ngân hàng.

Toàn bộ số dư tài khoản tiền gửi bằng VND và ngoại tệ của bên vay tại Ngân hàng và tại các Tổ chức tín dụng khác (khi Ngân hàng có yêu cầu). Các khoản phải thu theo các Hợp đồng được ký kết giữa Bên vay và đối tác khác mà Bên vay là người thụ hưởng (khi Ngân hàng có yêu cầu).

(ii) Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Vũng Tàu

Hợp đồng cho vay theo hạn mức: Số GMX-HDCTD/2019 ngày 31 tháng 07 năm 2019

Hạn mức tín dụng: 35.000.000.000 VND

Thời hạn cấp hạn mức: 12 tháng kể từ ngày rút vốn đầu tiên

Thời hạn cho vay: Theo từng lần nhận nợ

Lãi suất: Theo từng Giấy nhận nợ

Mục đích: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh

Biện pháp đảm bảo: Theo Hợp đồng bảo đảm số 01-2017/HĐTC-MX ký ngày 01 tháng 8 năm 2017; số 02-2017/HĐTC-MX ký ngày 01 tháng 8 năm 2017; số 03-2017/HĐTC-MX ký ngày 01 tháng 8 năm 2017, cụ thể như sau:

- Quyền sử dụng đất tại Xã Hắc Dịch, Huyện Tân Thành, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AK 14550.
- Quyền khai thác mỏ sét Mỹ Xuân 1, Xã Mỹ Xuân, Huyện Tân Thành, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu
- Nhà cửa vật kiến trúc trên đất thuộc Dây chuyền II, dây chuyền ngói xi măng màu không nung và dây chuyền III - Nhà máy Gạch Ngói Gốm Xây dựng Mỹ Xuân.
- Máy móc thiết bị thuộc Dây chuyền II, dây chuyền ngói xi măng màu không nung và dây chuyền III - Nhà máy Gạch Ngói Gốm Xây dựng Mỹ Xuân.

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI GỒM XÂY DỰNG MỸ XUÂN

Khu Phố Suối Nhum, Phường Hắc Dịch, Thị xã Phú Mỹ, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**16. Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

	Tại ngày 01/01	Tăng do trích lập từ lợi nhuận	Tăng khác	Chi quỹ trong kỳ	Tại ngày 31/12
2018					
Quỹ khen thưởng	5.743.462.539	4.200.054.705		4.795.592.500	5.147.924.744
Quỹ phúc lợi	729.672.824	420.005.471		280.870.000	868.808.295
Quỹ thưởng Ban Quản lý điều hành Công ty	927.718.196	563.824.585		973.829.000	517.713.781
Cộng	7.400.853.559	5.183.884.761	-	6.050.291.500	6.534.446.820
	Số dư 01/01/2019	Tăng do trích lập từ lợi nhuận	Tăng khác	Chi quỹ trong kỳ	Số dư 31/12/2019
2019					
Quỹ khen thưởng	5.147.924.744	4.916.386.343		3.558.600.000	6.505.711.087
Quỹ phúc lợi	868.808.295	491.638.634		179.414.000	1.181.032.929
Quỹ thưởng Ban Quản lý điều hành Công ty	517.713.781	662.483.718		641.555.000	538.642.499
Cộng	6.534.446.820	6.070.508.695	-	4.379.569.000	8.225.386.515

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI GÓM XÂY DỰNG MỸ XUÂN

Khu Phố Suối Nhum, Phường Hắc Dịch, Thị xã Phú Mỹ, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

17. Vốn chủ sở hữu

Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa PP	Tổng cộng
Số dư đầu năm trước	53.206.940.000	80.284.000	710.400.000	(62.460.000)	12.004.472.814	13.489.982.653	79.429.619.467
Vốn ngân sách cấp bổ sung	-	-	20.000.000	-	-	-	20.000.000
Lợi nhuận tăng trong năm trước	-	-	-	-	-	21.000.273.523	21.000.273.523
Tăng các quỹ năm trước	-	-	-	-	-	(24.775.371)	(24.775.371)
Chia cổ tức năm trước	-	-	-	-	-	(13.286.120.000)	(13.286.120.000)
					420.005.470	(5.603.890.231)	(5.183.884.761)
Số dư cuối năm trước	53.206.940.000	80.284.000	730.400.000	(62.460.000)	12.424.478.284	15.575.470.574	81.955.112.859
Số dư đầu năm nay	53.206.940.000	80.284.000	730.400.000	(62.460.000)	12.424.478.284	15.575.470.574	81.955.112.859
Vốn ngân sách cấp bổ sung	-	-	-	-	-	-	-
Lợi nhuận tăng trong kỳ này	-	-	-	-	-	24.581.931.715	24.581.931.715
Điều chỉnh khác	-	-	-	-	-	(581.116.779)	(581.116.779)
Chia cổ tức trong năm	-	-	-	-	-	(13.286.120.000)	(13.286.120.000)
Tạm trích lập các quỹ kỳ này	-	-	-	-	491.638.634	(6.562.147.329)	(6.070.508.695)
Số dư cuối kỳ	53.206.940.000	80.284.000	730.400.000	(62.460.000)	12.916.116.918	19.728.018.182	86.599.299.100

(*) Điều chỉnh bổ sung nghĩa vụ thuế do truy thu thuế GTGT; TNDN của các năm 2009 – 2010 - 2011 theo Kết Luận thanh tra thuế số 5211/KLTT-CT của Cục Thuế Tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu ngày 19 tháng 06 năm 2019.

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI GÓM XÂY DỰNG MỸ XUÂN

Khu Phố Suối Nhum, Phường Hắc Dịch, Thị xã Phú Mỹ, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Lợi nhuận chưa phân phối

Lợi nhuận chưa phân phối năm trước chuyển sang		15.575.470.575
Lợi nhuận chưa phân phối kỳ này	24.581.931.715	
Các khoản tăng lợi nhuận	-	
Các khoản giảm lợi nhuận	20.429.384.108	
<i>Chia cổ tức</i>	13.286.120.000	
<i>Trích lập các quỹ (*)</i>	6.562.147.329	
<i>Giảm khác</i>	581.116.779	
Lợi nhuận chưa phân phối chuyển sang kỳ sau	19.728.018.182	

Cổ phiếu

- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	5.320.694	5.320.694
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	5.320.694	5.320.694
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	5.320.694	5.320.694
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	6.246	6.246
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	6.246	6.246
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	5.314.448	5.314.448
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	5.314.448	5.314.448
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phiếu

Cổ tức

Căn cứ theo Biên bản họp Đại hội đồng Cổ đông số 01/BB-ĐHĐCĐ/2019 ngày 26 tháng 4 năm 2019, Nghị Quyết Đại hội đồng Cổ Đông thường niên năm 2019 ngày 26 tháng 4 năm 2019. Quyết định phân phối lợi nhuận năm 2018 công bố chia cổ tức theo tỷ lệ 25% trên vốn chủ sở hữu với số tiền tương đương là 13.286.120.000 VND. Ngày 05/12/2019 Công ty tạm ứng Cổ Tức Đợt 1 Năm 2019 tỷ lệ 15% tương ứng với số tiền là 7.971.672.000 VND.

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI GÓM XÂY DỰNG MỸ XUÂN

Khu Phố Suối Nhum, Phường Hắc Dịch, Thị xã Phú Mỹ, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Đơn vị tính: VND

1. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2019	Năm 2018
Doanh thu gạch ngói đất sét nung	212.073.057.492	191.020.637.919
- Gạch Xây tường	113.811.375.989	109.316.853.897
- Sản phẩm trang trí	98.261.681.503	81.703.784.022
Doanh thu ngói xi măng màu	53.706.943.578	47.199.087.803
Doanh thu hoạt động khác	5.319.444.457	2.289.725.001
Các khoản giảm trừ doanh thu	11.623.418	
- Hàng bán bị trả lại	11.623.418	
Doanh thu thuần	271.087.822.109	240.509.450.723

2. Giá vốn hàng bán

Giá vốn gạch ngói đất sét nung	138.387.520.120	125.117.412.031
- Gạch Xây tường	72.633.420.645	69.798.850.900
- Sản phẩm trang trí	65.754.099.475	55.318.561.131
Giá vốn ngói xi măng màu	47.365.091.299	41.904.380.545
Giá vốn động khác	4.335.955.841	1.473.972.203
Tổng cộng	190.088.567.260	168.495.764.779

3. Doanh thu hoạt động tài chính

Lãi tiền gửi ngân hàng	19.073.783	27.220.185
Lãi trái phiếu ngân hàng VCB	150.500.000	148.121
Tổng cộng	169.573.783	27.368.306

4. Chi phí tài chính

Chi phí lãi vay	1.081.481.454	424.144.431
Tổng cộng	1.081.481.454	424.144.431

5. Chi phí bán hàng

	Năm 2019	Năm 2018
Chi phí nhân viên bán hàng	9.623.963.384	7.545.773.446
Chi phí vật liệu, bao bì	5.356.076.995	6.061.863.733
Chi phí công cụ	821.371.283	515.981.513
Chi phí khấu hao	153.511.440	213.015.275
Chi phí dịch vụ mua ngoài	16.477.243.673	16.049.042.800
Chi phí bằng tiền khác	342.011.856	294.881.409
Tổng cộng	32.774.178.631	30.680.558.176

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI GÓM XÂY DỰNG MỸ XUÂN

Khu Phố Suối Nhum, Phường Hắc Dịch, Thị xã Phú Mỹ, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2019	Năm 2018
Chi phí nhân viên quản lý	11.257.733.952	11.042.065.265
Chi phí đồ dùng Văn Phòng	352.136.127	328.070.680
Chi phí khấu hao	292.992.660	281.602.800
Thuế, phí, lệ phí	18.918.849	18.918.849
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.557.808.102	1.178.973.401
Chi phí bằng tiền khác	1.282.110.195	2.009.367.204
Tổng cộng	14.761.699.885	14.858.998.199

7. Lợi nhuận (lỗ) khác

Thu nhập khác	Năm 2019	Năm 2018
Thu tiền thanh lý, nhượng bán TSCĐ	140.981.818	1.155.090.909
Thu các khoản dự phòng		15.553.460
Xử lý công nợ		-
Thu các khoản tiền thưởng của khách hàng liên quan đến cung cấp vật tư	14.841.090	30.907.636
Thu nhập khác	1.210.846	
Tổng cộng	157.033.754	1.201.552.005
Chi phí khác		
Thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	138.165.443	1.159.269.668
Các khoản chi phí bỏ sót	7.220.000	-
Chi Phí Khác	215.336.275	173.630.409
Phạt thuế, chậm nộp bảo hiểm	198.671.947	18.933.807
Tổng cộng	559.393.665	1.351.833.884
Lợi nhuận thuần từ hoạt động khác	(402.359.911)	(150.281.879)

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI GÓM XÂY DỰNG MỸ XUÂN

Khu Phố Suối Nhum, Phường Hắc Dịch, Thị xã Phú Mỹ, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

8. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Từ 01/01/2019 đến 31/12/2019				Từ 01/01/2018 đến 31/12/2018			
	Gạch ngói đất sét nung	Ngói xi măng màu	Hoạt động khác	Cộng	Gạch ngói đất sét nung	Ngói xi măng màu	Hoạt động khác	Cộng
Doanh thu	212.073.057.492	53.706.943.578	5.319.444.457	271.099.445.527	191.020.637.919	47.199.087.803	2.289.725.001	240.509.450.723
Các khoản giảm trừ	11.623.418	-	-	11.623.418	-	-	-	-
Doanh thu thuần	212.061.434.074	53.706.943.578	5.319.444.457	271.087.822.109	191.020.637.919	47.199.087.803	2.289.725.001	240.509.450.723
Giá vốn	138.387.520.120	47.365.091.299	4.335.955.841	190.088.567.260	125.117.412.031	41.904.380.545	1.473.972.203	168.495.764.779
Lợi nhuận gộp	73.673.913.954	6.341.852.279	983.488.616	80.999.254.849	65.903.225.888	5.294.707.258	815.752.798	72.013.685.944
Doanh thu hoạt động tài chính	19.073.783	-	150.500.000	169.573.783	27.368.306	-	-	27.368.306
Chi phí tài chính	1.042.337.105	39.144.349	-	1.081.481.454	408.518.768	15.625.663	-	424.144.431
Chi phí bán hàng	30.781.216.066	1.992.962.565	-	32.774.178.631	28.902.188.245	1.778.369.931	-	30.680.558.176
Chi phí quản lý doanh nghiệp	14.761.699.885	-	-	14.761.699.885	14.858.998.199	-	-	14.858.998.199
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	27.107.734.681	4.309.745.365	1.133.988.616	32.551.468.662	21.760.888.982	3.500.711.664	815.752.798	26.077.353.444
Thu nhập khác	157.033.754	-	-	157.033.754	1.201.552.005	-	-	1.201.552.005
Chi phí khác	559.393.665	-	-	559.393.665	1.351.833.884	-	-	1.351.833.884
Lợi nhuận khác	(402.359.911)	-	-	(402.359.911)	(150.281.879)	-	-	(150.281.879)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	26.705.374.770	4.309.745.365	1.133.988.616	32.149.108.751	21.610.607.103	3.500.711.664	815.752.798	25.927.071.565
Điều chỉnh lợi nhuận kế toán:	1.052.522.312	-	-	1.052.522.312	525.666.936	-	-	525.666.936

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI GÓM XÂY DỰNG MỸ XUÂN

Khu Phố Suối Nhum, Phường Hắc Dịch, Thị xã Phú Mỹ, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Cộng: Các khoản điều chỉnh tăng	1.052.522.312	-	-	1.052.522.312	525.666.936	-	-	525.666.936
- Thù lao HĐQT không tham gia HĐKD	372.118.000	-	-	372.118.000	264.000.000	-	-	264.000.000
- Chi phí khấu hao không đúng quy định	69.102.720	-	-	69.102.720	69.102.720	-	-	69.102.720
- Chi phí kế toán	412.629.645	-	-	412.629.645	192.564.216	-	-	192.564.216
- Phạt chậm nộp thuế, Bảo hiểm	198.671.947	-	-	198.671.947	-	-	-	-
Trừ: Chuyển lỗ				-	-	-	-	-
Tổng thu nhập chịu thuế	27.757.897.082	4.309.745.365	1.133.988.616	33.201.631.063	22.136.274.039	3.500.711.664	815.752.798	26.452.738.501
Thu nhập chịu thuế suất 20%	27.757.897.082	4.309.745.365	1.133.988.616	33.201.631.063	14.861.280.871	3.500.711.664	815.752.798	19.177.745.333
Thuế suất áp dụng	20%	20%	20%	20%	20%	20,0%	20%	
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	5.551.579.416	861.949.073	226.797.724	6.640.326.213	2.972.256.174	700.142.332	163.150.560	3.835.549.066
Thu nhập tính thuế suất ưu đãi 15%	-	-	-	-	7.274.993.168	-	-	7.274.993.168
Thuế TNDN theo thuế suất ưu đãi	-	-	-	-	1.091.248.975	-	-	1.091.248.975
Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành năm nay.	926.850.823	-	-	926.850.823	-	-	-	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	6.478.430.239	861.949.073	226.797.724	7.567.177.036	4.063.505.149	700.142.332	163.150.560	4.926.798.041

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI GÓM XÂY DỰNG MỸ XUÂN

Khu Phố Suối Nhum, Phường Hắc Dịch, Thị xã Phú Mỹ, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

9. Lãi trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi trên cổ phiếu cơ bản và lãi trên cổ phiếu suy giảm phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty được thực hiện trên cơ sở các số liệu sau:

a) Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	<u>Từ 01/01/2019 đến 31/12/2019</u>	<u>Từ 01/01/2018 đến 31/12/2018</u>
Lợi nhuận (lỗ) phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	24.581.931.715	21.000.273.524
Trừ: Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	6.070.508.696	5.183.894.760
Lợi nhuận (lỗ) phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	18.511.423.019	15.816.378.764
Số cổ phiếu phổ thông bình quân lưu hành trong năm để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	5.314.448	5.314.448
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	3.483	2.976

b) Lãi suy giảm trên cổ phiếu

	<u>Từ 01/01/2019 đến 31/12/2019</u>	<u>Từ 01/01/2018 đến 31/12/2018</u>
Lợi nhuận (lỗ) phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	24.581.931.715	21.000.273.524
Trừ: Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	6.070.508.696	5.183.894.760
Lợi nhuận (lỗ) phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	18.511.423.019	15.816.378.764
Các khoản điều chỉnh lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp để tính lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông khi xác định lãi suy giảm trên cổ phiếu	-	-
Lợi nhuận thuộc cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty được điều chỉnh do ảnh hưởng pha loãng	18.511.423.019	15.816.378.764
Số cổ phiếu phổ thông bình quân lưu hành trong năm để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	5.314.448	5.314.448
Số lượng cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm	-	-
<i>Cộng: Số lượng cổ phiếu bình quân do ảnh hưởng của cổ phiếu có thể được chuyển đổi từ trái phiếu chuyển đổi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu bình quân lưu hành đã được điều chỉnh do ảnh hưởng pha loãng	5.314.448	5.314.448
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	3.483	2.976

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI GÓM XÂY DỰNG MỸ XUÂN

Khu Phố Suối Nhum, Phường Hắc Dịch, Thị xã Phú Mỹ, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Nghiệp vụ và số dư các bên liên quan

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty TNHH Phú Mỹ Xuân	Cùng chủ đầu tư

Các nghiệp vụ phát sinh trong kỳ giữa Công ty với các bên liên quan như sau:

<i>Giao dịch</i>	<u>Năm 2019</u>	<u>Năm 2018</u>
<i>Công ty TNHH Phú Mỹ Xuân</i>		
Cung cấp vật tư, dịch vụ cho thuê MMTB	865.768.700	789.406.200
Thu tiền cung cấp dịch vụ	1.014.466.100	760.708.800
Mua hàng	67.560.087.979	62.363.058.899
Thanh toán tiền mua hàng	66.592.330.584	61.670.366.301
Thuê máy móc thiết bị	2.186.777.000	2.753.323.750
Thanh toán thuê máy móc thiết bị	2.241.266.000	2.794.083.750
Dịch vụ vận chuyển	16.094.408.000	14.954.241.000
Thanh toán phí dịch vụ vận chuyển	<u>15.979.172.000</u>	<u>15.115.601.000</u>
Góp vốn đầu tư		-
<i>Số dư</i>	<u>Năm 2019</u>	<u>Năm 2018</u>
<i>Công ty TNHH Phú Mỹ Xuân</i>		
Phải thu tiền cung cấp dịch vụ	60.000.000	220.708.800
Phải trả tiền mua hàng	6.826.419.665	5.712.882.380
Phải trả phí thuê máy móc thiết bị	185.633.000	179.502.000
Phải trả phí dịch vụ vận chuyển	1.175.165.000	<u>1.225.163.000</u>

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI GỒM XÂY DỰNG MỸ XUÂN

Khu Phố Suối Nhum, Phường Hắc Dịch, Thị xã Phú Mỹ, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Kế toán trưởng và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt trong năm như sau:

	<u>Năm 2019</u>	<u>Năm 2018</u>
Tiền lương, phụ cấp	3.503.167.720	3.981.759.367
Thù lao HĐQT, Ban kiểm soát	<u>780.000.000</u>	<u>816.000.000</u>
Cộng	<u>4.283.167.720</u>	<u>4.797.759.367</u>

18. Thông tin so sánh

Số liệu đầu năm của Báo cáo tài chính cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 được lấy từ Báo cáo tài chính năm 2018 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán – Tư vấn Đất Việt. Số liệu so sánh của báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ được lấy từ báo cáo tài chính năm 2018 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán – Tư vấn Đất Việt.

Bà Rịa - Vũng Tàu, ngày 16 tháng 10 năm 2019.



NGUYỄN VĂN SƠN
Tổng giám đốc

TRẦN THỊ CẢNH
Kế toán trưởng

LƯU THỊ MAI
Người lập biểu

**CÔNG TY CỔ PHẦN
GẠCH NGÓI GÓM XD MỸ XUÂN**

---***---

Số: 05/CV-GMX-2020

"V/v: giải trình biến động trên 10% kết quả
kinh doanh quý 4/2019 so với quý 4/2018"

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc Lập- Tự Do- Hạnh Phúc

-----oOo-----

Vũng Tàu, Ngày 17 Tháng 01 Năm 2020

Kính Gửi : - **ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC**

- **SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI**

Thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin của tổ chức niêm yết theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC, ngày 06 tháng 10 năm 2015 của Bộ tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Công ty Cổ Phần Gạch Ngói Gốm Xây Dựng Mỹ Xuân xin giải trình chênh lệch kết quả kinh doanh tại thời điểm quý 4 năm 2019 so với quý 4 năm 2018 như sau:

Chỉ tiêu	Quý 4/2019	Quý 4/2018	Chênh lệch	
			Giá trị	%
Doanh thu thuần từ bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	72.201.751.259	62.071.869.811	10.129.881.448	16,32%
Lợi nhuận kế toán trước thuế	9.142.036.956	5.802.208.825	3.339.828.131	57,56%
Lợi nhuận sau thuế thu nhập	6.998.382.766	4.669.503.932	2.328.878.834	49,87%

Lợi nhuận sau thuế quý 4 năm 2019 của công ty tăng 49,87% so với cùng kỳ năm 2018 là do các nguyên nhân sau:

- Doanh thu trong quý 4 năm 2019 tăng so với cùng kỳ năm 2018 là 16,32% do sản lượng tiêu thụ nhóm sản phẩm SP trang trí và Gạch xây tường tăng cao.

- Việc áp dụng cơ giới hóa vào các công đoạn sản xuất ngày càng cao làm tăng năng suất lao động và kiểm soát tốt chi phí làm tăng lợi nhuận của hoạt động sản xuất kinh doanh.

- Với nỗ lực của Ban lãnh đạo cùng toàn thể CB.CNV, Công ty chúng tôi sẽ ra sức tiết kiệm chi phí và vận dụng tối đa mọi nguồn lực để hoàn thành tất cả các chỉ tiêu kế hoạch do Đại hội đồng cổ đông đề ra.

Trên đây là giải trình của Công ty Cổ Phần Gạch Ngói Gốm Xây Dựng Mỹ Xuân về Kết quả kinh doanh quý 4 năm 2019 biến động trên 10% so với cùng kỳ năm 2018.

Xin trân trọng báo cáo.

Nơi nhận:

- Như trên
- Văn thư
- Phòng TCKT



TỔNG GIÁM ĐỐC

NGUYỄN VĂN SƠN

**CÔNG TY CỔ PHẦN
GẠCH NGÓI GÓM XD MỸ XUÂN
SỐ 06/CV.GMX-2020
V/v: CBTT Báo Cáo Tài Chính
Quý4.2019**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc
-----o0o-----**

Phú Mỹ, Ngày 17 Tháng 01 năm 2020

**Kính Gửi : - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội**

1. Tên công ty: Công Ty Cổ Phần Gạch Ngói Gốm Xây Dựng Mỹ Xuân
2. Mã Chứng Khóan : GMX
3. Địa chỉ trụ sở chính : Khu phố Suối Nhum – Phường Hắc Dịch – Thị xã Phú Mỹ - Tỉnh BRVT
4. Điện thoại: 02543.893150 Fax: 02543.894168
5. Người thực hiện công bố thông tin: Lưu Thị Mai
6. Nội dung của thông tin công bố:
 - 6.1 Báo cáo tài chính quý 4 năm 2019 của Công Ty CP Gạch Ngói Gốm Xây Dựng Mỹ Xuân được lập ngày 16/01/2020 bao gồm : BCĐKT, BCKQKD, BCLCTT, TMBCTC.
 - 6.2 Giải trình chênh lệch lợi nhuận so với cùng kỳ năm ngoái.

Địa chỉ Website đăng tải toàn bộ báo cáo tài chính: www.myxuan-vt.com.vn

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin công bố.

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu:
-

NGƯỜI THỰC HIỆN CBTT



Lưu Thị Mai